



TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM (HSX: POW)

POW - TRIỂN VỌNG KINH DOANH TÍCH CỰC NHỜ SẢN LƯỢNG ĐIỆN PHỤC HỒI VÀ NHU CẦU TIÊU THỤ ĐIỆN GIA TĂNG

TỔNG QUAN DOANH NGHIỆP:

- POW là nhà sản xuất điện lớn thứ 3 cả nước, là lớn nhất ngoài EVN tại Việt Nam và có tài sản chất lượng cao. Hiện tại, POW đang sở hữu 8 nhà máy điện với tổng suất đạt công suất 4.208 MW, sản lượng phát điện trung bình 21 tỷ kwh/năm, năng lực sản xuất điện đạt 10-11% tổng sản lượng điện cung ứng toàn hệ thống.
- Điện khí chiếm 93-94% tổng công suất và doanh thu phát điện hàng năm. Một số các NMD tiêu biểu kể đến như NMD khí Cà Mau, Nhơn Trạch 1&2, và NMD than Vũng Áng 1. Đặc biệt, NT2 là công ty con, và có hoạt động kinh doanh tương đối tốt. Thủy điện chỉ chiếm tỷ lệ rất nhỏ so với tổng công suất phát điện với 3 NMD Hòa Na, Đakring và Nậm Cắt.

LUẬN ĐIỂM ĐẦU TƯ:

- Chúng tôi dự báo sản lượng điện năm 2023 phục hồi mạnh mẽ, đạt 18 tỷ kwh, tăng 21% so với năm 2022.** Trong năm 2022, tổ máy số 1 thuộc nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 gặp sự cố kỹ thuật và phải tạm dừng hoạt động để trùng tu. Kể từ tháng 3/2023, nhà máy này đã hoạt động trở lại bình thường. Ngoài ra, sự phục hồi hoạt động sản xuất kinh doanh khu công nghiệp hậu COVID phần nào thúc đẩy nhu cầu tiêu thụ điện.
- Động lực tăng trưởng kinh doanh của POW mở rộng khi các dự án đầu tư nhà máy nhiệt điện đi vào phát điện thương mại.** Trong trung và dài hạn, dự án đầu tư nhà máy nhiệt điện Nhơn Trạch 3&4, Miền Trung 1&2, LNG Cà Mau 3, và LNG Quảng Ninh với tổng công suất 6.000 MW tiềm năng gấp đôi doanh thu hiện tại.
- POW được hưởng lợi từ dự báo thiếu hụt điện của Việt Nam từ năm 2023, và điều kiện El Nino mạnh lên.** Tốc độ tăng trưởng tiêu thụ điện đạt 8,5%/năm, tập trung vào lĩnh vực sản xuất công nghiệp và xây dựng. Dự báo sản lượng điện thiếu hụt trên toàn hệ thống sẽ vào khoảng 13,3 tỷ kWh trong năm 2023 và 27,7 tỷ kwh đến năm 2025. Ngoài ra, điều kiện thời tiết La Nina suy yếu khiến cho các doanh nghiệp nhiệt điện được hưởng lợi khi sản lượng điện theo hợp đồng tăng (Qc) được EVN giao tăng thêm.
- Sức khỏe tài chính tốt giúp POW duy trì tăng trưởng dòng tiền dương trong trung và dài hạn.** Nguồn lực tài chính được củng cố khi nợ vay dài hạn tiếp tục giảm, vốn chủ sở hữu tăng, chiếm 58,5% tổng nguồn vốn, và dòng tiền thuần hoạt động kinh doanh đạt 3.156 tỷ đồng.
- Chúng tôi dự báo lạc quan về tốc độ tăng trưởng trong ngắn hạn của POW.** Chúng tôi dự báo doanh thu và lợi nhuận sau thuế dự báo lần lượt đạt 32.113 tỷ đồng và 3.374 tỷ đồng, bằng 121% và 132% của năm 2022. Thu nhập m cổ phần đạt 1.186 đồng/cổ phần.

RỦI RO:

- Sản lượng điện theo hợp đồng được EVN giao thấp hơn dự kiến, kéo theo hiệu quả kinh doanh giảm sút, nguồn tiền mặt hạn chế khiến POW có thể tiếp tục sử dụng phương án đảo nợ cho các khoản vay ngắn và dài hạn;
- Giá nguyên vật liệu đầu vào bao gồm khí và/hoặc than tăng mạnh do nguồn cung hạn hẹp khiến BLNG có thể co lại, đặc biệt với nhà máy điện có sản lượng điện theo hợp đồng (Qc) trên 85% như POW;
- Tình trạng đội vốn của dự án Nhơn Trạch 3&4 có thể xảy ra khi dự án này đang ở giai đoạn xây nền.

ĐỊNH GIÁ:

- Chúng tôi kết hợp 5 phương pháp định giá chiết khấu dòng tiền DCF bao gồm FCFF, và FCFE; và phương pháp so sánh chỉ số PE, PB, và EV/EBITDA với trọng số tương đương nhau. Giá trị cổ phiếu POW được xác định ở mức 19.600 đồng/cổ phần.



Đồ thị giá 52 tuần của POW
Nguồn: CafeF tổng hợp

Khuyến nghị*	MUA
Giá đóng cửa (21/03/2023):	13.200
Giá mục tiêu*	19.600
Upside	48%
Ngành	Điện
Vốn hóa thị trường	30.091 tỷ đồng
Biến động giá 52T	71%
Khối lượng GDBQN	12 triệu
Giá trị GDBQN	157 tỷ đồng
KLCP đang lưu hành	2.341 triệu
Tỷ lệ free-float	25%
Tỷ lệ sở hữu nhà nước	80%
Tỷ lệ sở nước ngoài	7%
* Cập nhật: 20/03/2023	

Chỉ tiêu (tỷ đồng)	2019	2020	2021	2022	2023F
Doanh thu	35.374	29.732	24.561	28.224	32.113
LN gộp	5.138	4.580	2.540	3.726	4.656
LN ròng	2.855	2.663	2.052	2.553	3.374
Tổng tài sản	55.696	54.050	52.977	56.843	59.434
Vốn CSH	29.509	31.267	31.125	33.281	36.601
EPS cuối kỳ (VNĐ/CP)	1.072	1.010	768	880	1.186
Giá trị sổ sách	29.580	31.333	31.159	33.313	36.629

Chỉ số tài chính	2019	2020	2021	2022	2023F
% Doanh thu	8%	-16%	-17%	15%	14%
% LNST	25%	-7%	-23%	24%	32%
Tỷ suất LN gộp	15%	-11%	-45%	47%	14%
ROA	5%	5%	4%	4%	6%
ROE	10%	9%	7%	8%	9%
PE	11,1	13,6	23,0	15,0	11,1
PB	0,9	1,0	1,3	1,0	0,8

Sản lượng điện tăng trưởng mạnh mẽ trong năm 2023

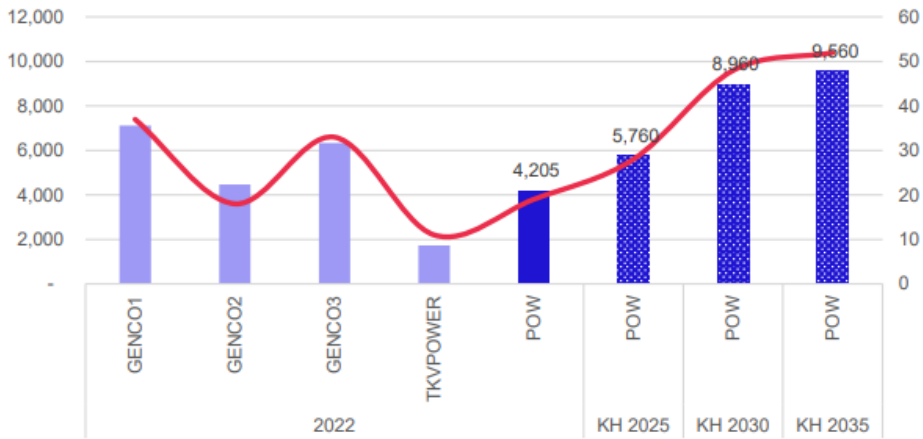
POW là nhà sản xuất điện lớn thứ 3 cả nước, là lớn nhất ngoài EVN tại Việt Nam và có tài sản chất lượng cao. Hiện tại, POW đang sở hữu 8 nhà máy điện với tổng suất đạt công suất 4.208 MW, sản lượng phát điện trung bình 21 tỷ kwh/năm, và năng lực sản xuất điện đạt 10-11% tổng sản lượng điện cung ứng toàn hệ thống.

Điện khí chiếm 93-94% tổng công suất và doanh thu phát điện hàng năm. Một số các NMĐ tiêu biểu kể đến như NMĐ khí: Cà Mau (1.500 MW), Nhơn Trạch 1 (450 MW), Nhơn Trạch 2 (750 MW), và NMĐ than Vũng Áng 1 (1.200 MW). Đặc biệt, NT2 là công ty con, và có hoạt động kinh doanh tương đối tốt. Thủy điện chỉ chiếm tỷ lệ rất nhỏ so với tổng công suất phát điện với 3 NMĐ Hòa Na (180 MW), Đakrinh (125 MW) và Nậm Cắt (3,2 MW).

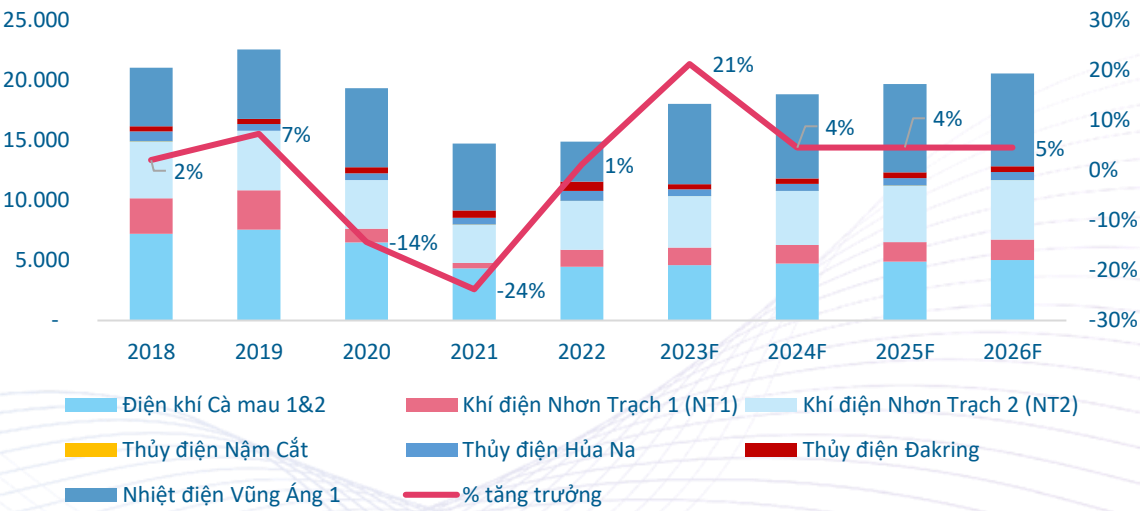
Sản lượng điện sản xuất năm 2022 đạt 14,17 tỷ kwh, hoàn thành 102% kế hoạch cả năm và bằng 97% của năm 2021. Sản lượng giảm là do nhà máy nhiệt điện Vũng Áng 1 chỉ hoạt động 1 tổ máy, trong khi nhà máy Cà Mau 1 & 2 và NT1 cũng đạt sản lượng thấp so với năng lực sản xuất.

Trong năm 2023, chúng tôi dự báo sản lượng điện sản xuất có thể đạt 18 tỷ kwh, tăng 21% so với 2022 do nhà máy Vũng Áng 1 đã khắc phục xong sự cố tổ máy 1 và đã đi vào hoạt động từ tháng 3/2023, đưa sản lượng tăng thêm khoảng 2,5-3 tỷ kwh. Các nhà máy khác như Cà Mau 1&2, Nhơn Trạch 1 cũng có khả năng phát điện tốt khi nhu cầu phụ tải tăng trong năm và đã vượt Qc trong 2 tháng đầu năm 2023.

Biểu đồ 1: Công suất đặt của một số doanh nghiệp phát điện



Biểu đồ 2: Sản lượng điện sản xuất (đơn vị: triệu kwh)



Nguồn: GENCO, POW, MBS tổng hợp và dự báo

Hiệu quả kinh doanh của các nhà máy điện đang vận hành tốt nhờ khấu hao giảm

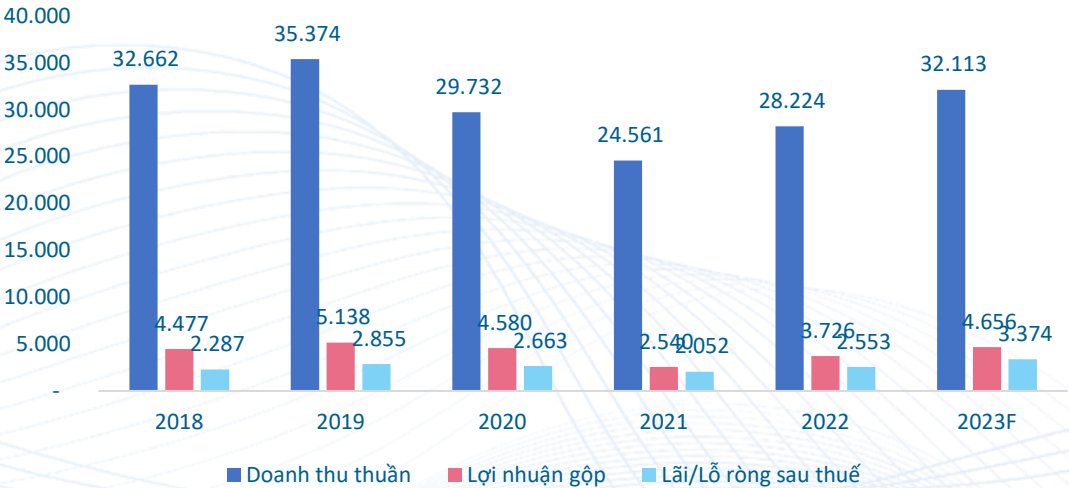
Nhà máy nhiệt điện Cà Mau 1&2 đã hoạt động được 14 năm, hiện nay phần máy móc thiết bị đã được khấu hao hết, chi phí khấu hao hàng năm ở mức thấp với khoảng 85 tỷ đồng cho công trình xây dựng, hơn nữa, nợ vay đầu tư cũng đã được trả toàn bộ.

Nhà máy điện Nhơn Trạch 1 cũng đã cơ bản hoàn thành khấu hao và trả nợ vay đầu tư. Với thuận lợi nằm trong khu vực nhu cầu điện cao và hiện tượng El Nino mạnh lên, POW cũng sẽ có hiệu quả kinh doanh tốt hơn trong những năm tới.

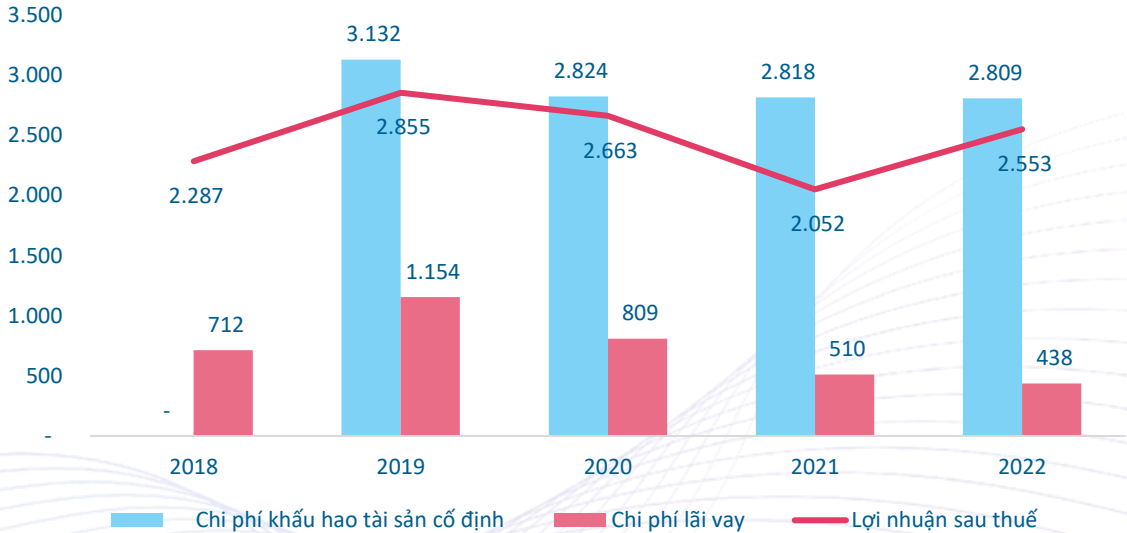
Trong năm 2022, công ty đã ghi nhận 1.131 tỷ đồng doanh thu chênh lệch tỷ giá trong giá bán điện của các nhà máy trong các năm từ 2015-2019, điều này tạo ra khoản lợi nhuận bù đắp cho sản lượng điện thấp trong kỳ.

Dự báo trong năm 2023, với sản lượng điện sản xuất tăng trở lại, doanh thu năm 2023 có thể đạt mức 32.113 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế đạt 3.374 tỷ đồng, lần lượt tăng 21% và 32% so với năm 2022.

Biểu đồ 3: Doanh thu và lợi nhuận sau thuế (đơn vị: tỷ đồng)



Biểu đồ 4: Chi phí và lợi nhuận sau thuế (đơn vị: tỷ đồng)



Cơ cấu tài sản và nguồn vốn an toàn với tăng trưởng dương dòng tiền

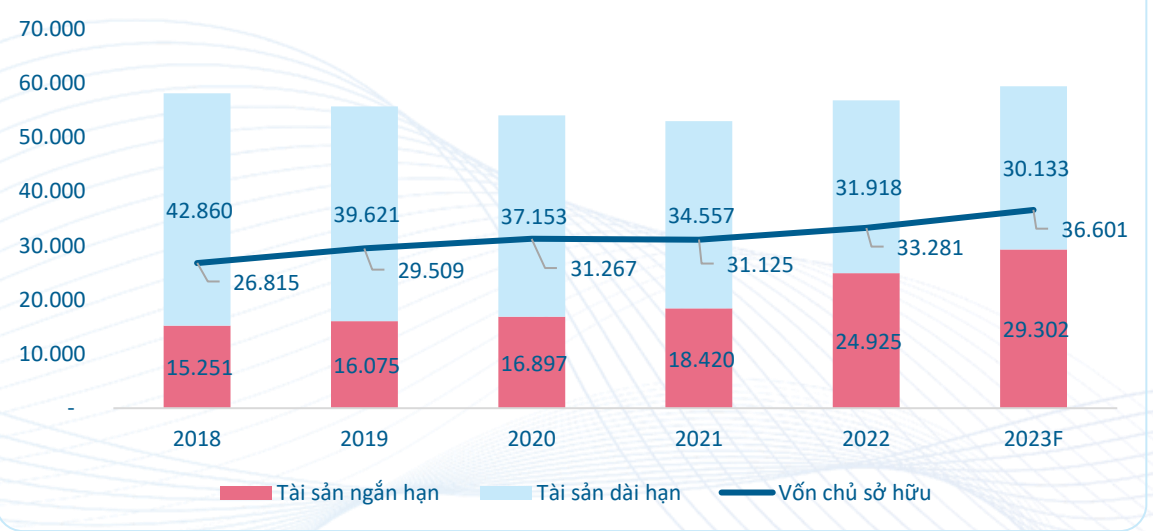
Chúng tôi dự phóng dòng tiền thuần hoạt động kinh doanh hàng năm tăng trưởng 50% CAGR giai đoạn 2023 – 2024, nhờ quản trị tốt hoạt động kinh doanh tích cực, khấu hao lớn đảm bảo chất lượng lợi nhuận hàng năm, nguồn vốn cô đặc, sở hữu nhà nước lớn giúp công ty thực hiện trả nợ vay đúng hạn và số dư tiền luôn dương.

Về cán cân tài sản, tổng tài sản đến cuối năm 2022 đạt 56.843 tỷ đồng, tăng 7,3% so với đầu năm. Trong đó tiền trong ngắn hạn đạt 9.902 tỷ đồng, tăng 13%. Đặc biệt, khoản phải thu tăng mạnh 116% lên 12.357 tỷ đồng, chủ yếu từ tiền bán điện cho EVN và từ phí đào tạo cho các nhà thầu EPC sản xuất NMĐ NT3&4. Hơn nữa, năm 2023 POW dự kiến thu được khoản bồi thường bảo hiểm giá trị hơn 300 tỷ đồng từ trực trực tổ máy số 1 thuộc NMĐ Vũng Áng 1. Tài sản dài hạn tiếp tục giảm do khấu hao các nhà máy đang vận hành tăng trong kỳ.

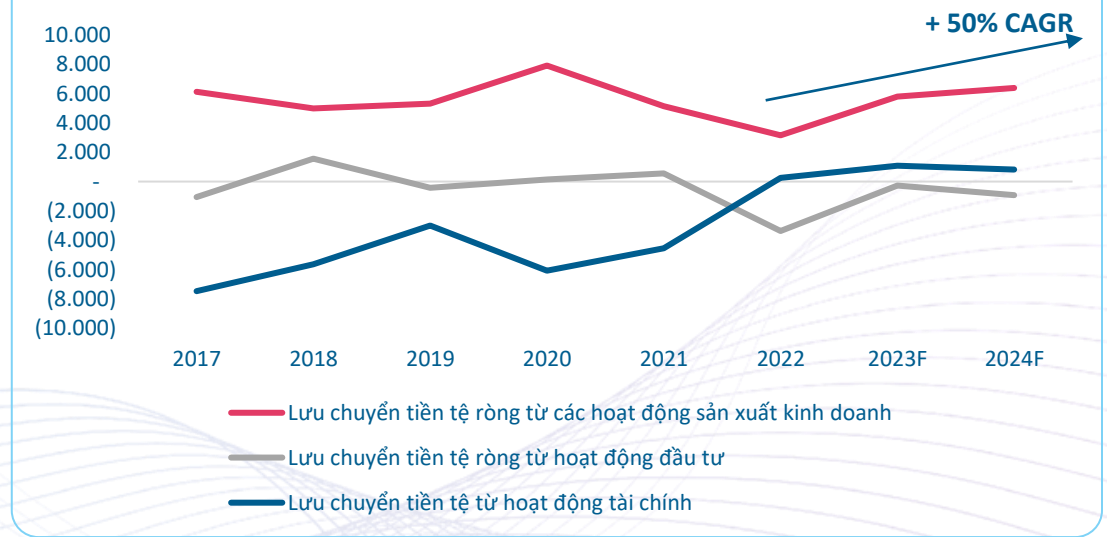
Về nguồn vốn, trong năm 2022 nợ phải trả đạt 23.562 tỷ đồng, chiếm 41,5% tổng nguồn vốn và tăng 8%. Trong đó, vay nợ ngắn và dài hạn đạt 9.017 tỷ đồng, tăng 6,6% và chỉ chiếm 16% tổng nguồn vốn. Đây là tỷ lệ vay nợ rất an toàn đối với doanh nghiệp phát điện lớn. Vốn chủ sở hữu đạt 33.281 tỷ đồng, tăng 6,9% so với đầu năm và chiếm 58,5% tổng nguồn vốn.

Về khấu hao tài sản cố định, trong năm 2022, POW thực hiện giai đoạn xây nền cho dự án nhà máy điện Nhơn Trạch 3&4 và đã giải ngân thông qua nguồn vốn ứng cho các nhà thầu EPC có giá trị 1.911 tỷ đồng, và giá trị đầu tư cơ bản dở dang là 730 tỷ đồng. Hơn nữa, do khoản phải thu tiền bán điện từ EVN tăng khá nhanh trong kỳ (83%) cũng làm cho tài sản tăng lên, gia tăng áp lực lên nguồn vốn nhưng vẫn đảm bảo an toàn.

Biểu đồ 5: Cơ cấu tài sản và nguồn vốn (đơn vị: tỷ đồng)



Biểu đồ 6: Lưu chuyển tiền tệ (đơn vị: tỷ đồng)



Hưởng lợi từ dự báo thiếu điện từ năm 2023, và điều kiện El Nino mạnh lên

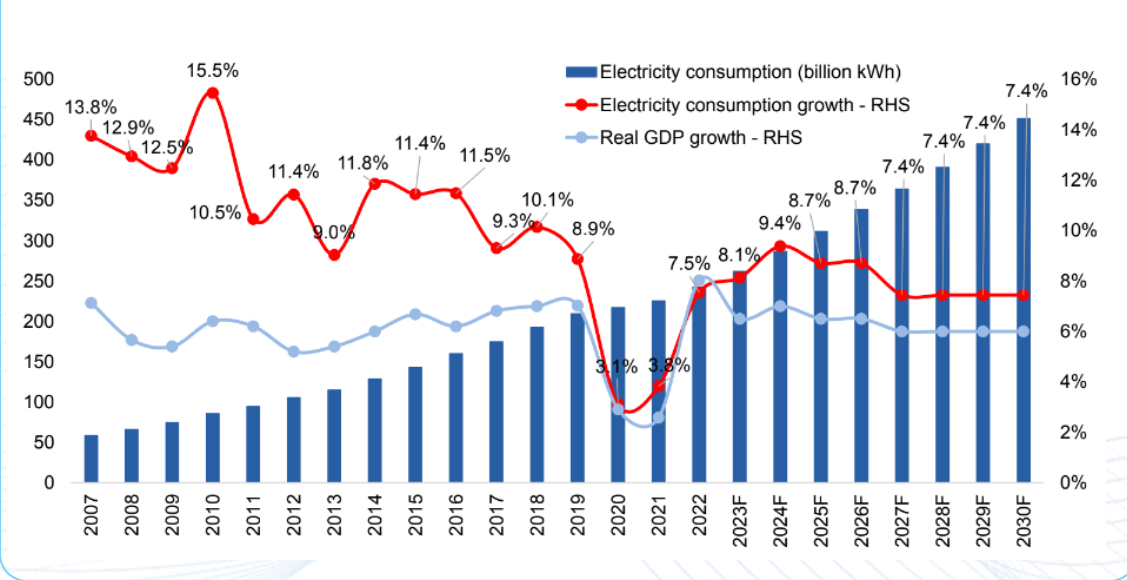
Hội nghị Tiết kiệm năng lượng toàn quốc năm 2022 tại TP Đà Nẵng ngày 14/7 do Bộ Công Thương tổ chức đã đưa ra dự báo:

- 1. Trong 5 năm tới, nhu cầu điện năng vẫn tăng trưởng ở mức khoảng 8,5%/năm.
- 2. Theo báo cáo cập nhật cân đối cung cầu điện giai đoạn 2021 – 2025 của EVN, sản lượng điện thiếu hụt có thể lên tới 27,7 tỷ kWh vào năm 2025.
- 3. Tỷ lệ dự phòng công suất toàn quốc đến năm 2025 (không tính năng lượng tái tạo) chỉ khoảng 18%. Cụ thể, tỷ lệ dự phòng hệ thống điện miền Nam sẽ giảm mạnh từ năm 2023 và không đủ điện vào năm 2025. Còn ở miền Bắc, tỷ lệ dự phòng năm 2025 chỉ còn 10%.

Văn phòng Met thuộc Cơ quan Khí tượng Quốc gia Anh đã công bố dự báo khí hậu cho năm 2023 ước tính rằng, nếu năm 2022 đã ghi nhận nhiệt độ trên trung bình thì vào năm 2023 sẽ còn nóng hơn. Theo các nhà nghiên cứu, hiện tượng El Niño mạnh mẽ có thể trở lại vào năm 2023, kết hợp với sự nóng lên toàn cầu sẽ gây ảnh hưởng đến khí hậu thế giới nói chung và sẽ giữ nền tảng này đến đầu năm 2023.

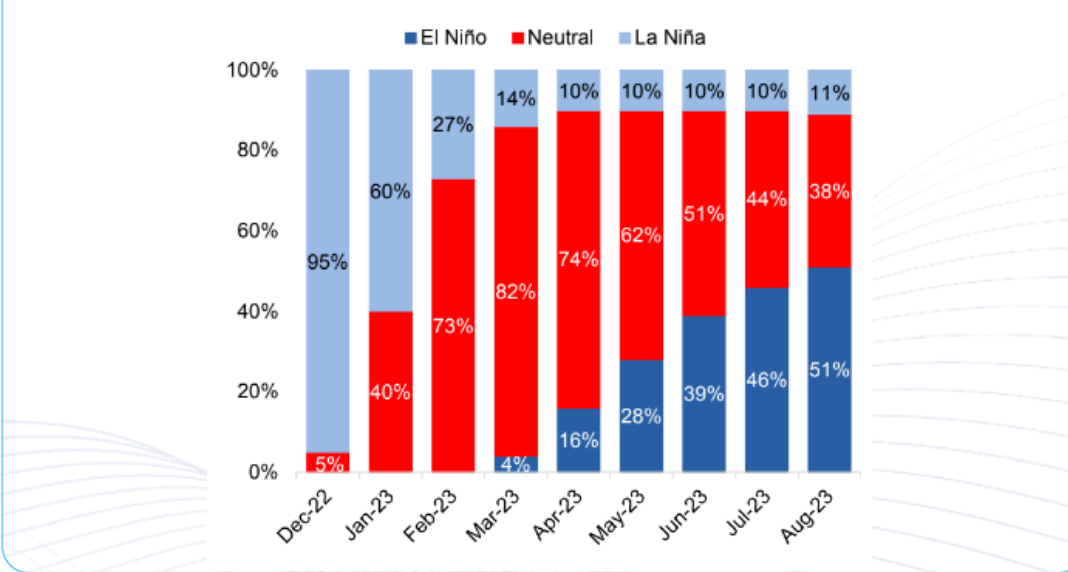
Nhiệt độ toàn cầu trong 3 năm qua đã bị ảnh hưởng bởi hiệu ứng làm mát được tạo ra bởi một đợt La Nina kéo dài ở phía Đông Thái Bình Dương. Điều này đã làm giảm thiểu sự gia tăng nhiệt độ toàn cầu, mặc dù đã quá cao do ảnh hưởng của biến đổi khí hậu.

Biểu đồ 7: Dự báo tăng trưởng tiêu thụ điện và GDP



Nguồn: EVN, VCSC tổng hợp và dự báo

Biểu đồ 8: Xác suất điều kiện thời tiết kể từ tháng 12/2022



Nguồn: IRICS, VCSC tổng hợp và dự báo

Dự báo kết quả kinh doanh năm 2023 và định giá cổ phiếu

Chúng tôi kết hợp 5 phương pháp định giá chiết khấu dòng tiền DCF bao gồm FCFF, và FCFE; và phương pháp so sánh chỉ số PE, PB, và EV/EBITDA. Giá trị cổ phiếu được xác định ở mức 19.600 đồng. Sản lượng điện sản xuất năm 2022 đạt 14,17 tỷ kwh, hoàn thành 102% kế hoạch cả năm và bằng 97% của năm 2021. Sản lượng giảm chủ yếu do NMD Vũng Áng 1 chỉ hoạt động tổ máy số 1, trong khi NMD Cà Mau 1 & 2 và Nhơn Trạch 1 cũng đạt sản lượng thấp so với năng lực sản xuất.

Công ty đặt ra kế hoạch sản lượng điện sản xuất năm 2023 đạt 15.590 triệu kwh, tăng 10% so với 2022. Tuy nhiên, với tình trạng thiếu hụt điện năng, điều kiện thời tiết thuận lợi, và năng lực sản xuất tốt của các NMD, chúng tôi dự báo sản lượng điện năm 2023 của công ty có thể đạt 18 tỷ kwh, tăng 21% so với năm 2022.

Doanh thu và lợi nhuận sau thuế dự báo lần lượt đạt 32.113 tỷ đồng và 3.374 tỷ đồng, bằng 121% và 132% của năm 2022. Thu nhập trên một cổ phần đạt 1.186 đồng/cổ phần.

Mô hình định giá	Trọng số	Giá	Giá hiện tại	Premium
P/E	20%	14.200	13.200	8%
P/B	20%	22.600	13.200	71%
EV/EBITDA	20%	13.600	13.200	3%
FCFF	20%	23.700	13.200	80%
FCFE	20%	24.100	13.200	83%
Giá mục tiêu bình quân (đồng/cp)		19.600	13.200	48%

KẾT QUẢ KINH DOANH	TH		Dự báo		
	2022	2023	2024	2025	2026
Sản lượng điện	14.860	18.002	18.810	19.655	20.540
% tăng trưởng	1%	21%	4%	4%	5%
Doanh thu thuần	28.224	32.113	36.239	40.897	46.157
Giá vốn bán hàng	(24.498)	(27,457)	(30.632)	(34.254)	(38.294)
Lợi nhuận gộp	3.726	4.656	5.607	6.642	7.863
Thu nhập tài chính	445	482	544	613	692
Chi phí tài chính	(592)	(648)	(718)	(773)	(826)
Chi phí bán hàng	-	(19)	(21)	(24)	(27)
Chi phí quản lý DN	(868)	(851)	(925)	(901)	(1.209)
Lãi/Lỗ từ hoạt động kinh doanh	2.712	3.620	4.487	5.558	6.493
Lãi lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	53	53	53	53	54
Thu nhập/Chi phí khác	44	50	57	64	72
Lãi/Lỗ ròng trước thuế	2.809	3.723	4.540	5.611	6.546
Chi phí thuế TNDN	(256)	(349)	(435)	(536)	(653)
Lãi/Lỗ ròng sau thuế	2.553	3.374	4.105	5.075	5.893
+ Trong đó: Lợi ích của cổ đông thiểu số	492	650	791	978	1.136
+ Lãi/(Lỗ thuần của cổ đông công ty mẹ)	2.061	2.724	3.313	4.097	4757
EPS (VNĐ/cp)	880	1.186	1.443	1.785	2.072
Tăng trưởng EPS	15%	35%	22%	24%	16%

BÁO CÁO CẬP NHẬT CỔ PHIẾU | TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM (HSX: POW)

Bảng KQKD	2020	2021	2022	2023F
Doanh thu thuần	29.732	24.561	28.224	32.113
Giá vốn bán hàng	(25.152)	(22.021)	(24.498)	(27.457)
Lợi nhuận gộp	4.580	2.540	3.726	4.655
Thu nhập tài chính	440	690	445	482
Chi phí tài chính	(999)	(653)	(592)	(648)
Chi phí bán hàng	(35)	(9)	-	(190)
Chi phí quản lý DN	(1.174)	(131)	(868)	(851)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	2.811	2.437	2.712	3.620
Lãi lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	44	22	53	53
Lợi nhuận khác	20	(120)	44	50
Lợi nhuận trước thuế	2.875	2.339	2.809	3.723
Chi phí thuế TNDN	(212)	(287)	(256)	(349)
Lợi nhuận sau thuế	2.663	2.052	2.553	3.374
Lợi ích của cổ đông thiểu số	298	254	492	650
Lợi nhuận cổ đông công ty mẹ	2.365	1.799	2.061	2.724

Lưu chuyển tiền tệ	2020	2021	2022	2023F
Lợi nhuận trước thuế	2.860	2.339	2.809	3.723
Chi phí khấu hao	3.132	2.824	2.818	2.801
Lãi từ hoạt động đầu tư	(441)	(619)	(444)	(482)
Chi phí lãi vay	809	510	438	473
Thay đổi vốn lưu động:	284	661	(2.300)	(725)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động KD	7.908	5.147	3.156	5.790
Mua sắm TSCĐ mới	(147)	(286)	(2.601)	(517)
Đầu tư khác	(77)	71	(1.117)	(227)
Lợi nhuận từ cổ tức, lãi tiền gửi, cho vay	374	305	361	482
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	149	563	(3.374)	(263)
Thay đổi nợ vay	(5.172)	(3.845)	444	1.074
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	(6.072)	(4.555)	245	1.074
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	1.986	1.154	28	6.601
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	5.083	7.070	8.224	8.252
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	7.070	8.224	8.252	14.853

Bảng CĐKT	2020	2021	2022	2023F
Tài sản ngắn hạn	16.897	18.420	24.925	29.302
Tiền và tương đương tiền	7.070	8.224	8.252	14.853
Đầu tư tài chính ngắn hạn	789	531	1.650	1.877
Các khoản phải thu ngắn hạn	7.196	5.799	12.538	9.383
Hàng tồn kho	1.728	1.838	2.086	2.338
Tài sản ngắn hạn khác	115	2.028	400	852
Tài sản dài hạn	37.153	34.557	31.918	30.133
Các khoản phải thu dài hạn	3	-	-	2
Tài sản cố định	34.614	31.869	29.155	26.671
Bất động sản đầu tư	-	-	-	-
Tài sản dở dang dài hạn	251	405	936	1.136
Đầu tư tài chính dài hạn	1.028	828	878	878
Tài sản dài hạn khác	1.256	1.454	949	1.446
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	54.050	52.977	56.843	59.434
Nợ ngắn hạn	16.480	16.811	18.326	18.551
Vay và nợ ngắn hạn	7.019	4.769	5.635	6.997
Các khoản phải trả ngắn hạn	5.183	7.705	7.822	6.901
Nợ ngắn hạn khác	4.248	4.288	4.790	4.521
Quỹ khen thưởng phúc lợi	30	50	78	133
Nợ dài hạn	6.304	5.040	5.236	4.282
Vay và nợ dài hạn	5.391	3.689	3.382	3.094
Các khoản phải trả dài hạn	-	-	-	-
Nợ dài hạn khác	912	1.351	1.854	1.188
Vốn chủ sở hữu	31.267	31.125	33.281	36.601
Vốn góp của chủ sở hữu	23.419	23.419	23.419	23.419
Thặng dư vốn cổ phần	-	-	-	-
Vốn khác của chủ sở hữu	226	226	226	226
Cổ phiếu quỹ	-	-	-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-	-
Quỹ khác	782	2.175	3.643	3.643
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	4.302	3.010	3.420	6.090
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	2.729	2.488	2.765	3.415

TUYÊN BỐ MIỄN TRỪ TRÁCH NHIỆM

Bản quyền năm 2023 thuộc về tác giả. Những thông tin sử dụng trong báo cáo được thu thập từ những nguồn đáng tin cậy và tác giả không chịu trách nhiệm về tính chính xác của chúng. Quan điểm thể hiện trong báo cáo này là của tác giả và không nhất thiết liên hệ với quan điểm chính thức của nhà đầu tư. Không một thông tin cũng như ý kiến nào được viết ra nhằm mục đích quảng cáo hay khuyến nghị mua/bán bất kỳ chứng khoán nào. Báo cáo này không được phép sao chép, tái bản bởi bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào khi chưa được phép của tác giả.

NGUYỄN PHƯƠNG MAI
Chuyên gia phân tích

📍 36 Đoàn Trần Nghiệp, Lê Đại Hành, Hai Bà Trưng, Hà Nội

✉ mainp@cts.vn

☎ +84-904-854-958